

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 31

030
TRÁI
DỊCH
ẢI C
VÀ
...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng: ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 – 123 – 125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	Thành viên	(Đến ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên	
Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên	
Bà Trần Thị Nga Huế	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	(Từ ngày 12 tháng 04 năm 2023)
Ông Trần Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	(Đến ngày 12 tháng 04 năm 2023)
Bà Nguyễn Thái Nga	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Công Tuấn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban
Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

V. C. H
T. B. A. P.
V. A. N.
T. O. A.
V. A. N.
T. H. C. H. I.



Số : 28-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4817-2024-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.128.071.526	756.819.520.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.224.708.422	18.760.648.085
1. Tiền	111		17.224.708.422	18.760.648.085
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.433.160.447	31.433.160.447
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	9.433.160.447	9.433.160.447
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	39.000.000.000	22.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		532.417.375.778	426.106.868.573
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	409.663.447.849	306.873.989.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	96.355.020.779	109.552.199.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	35.357.812.941	9.680.679.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.958.905.791)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	151.038.177.471	257.513.977.962
1. Hàng tồn kho	141		158.260.287.787	284.589.201.464
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.222.110.316)	(27.075.223.502)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.014.649.408	23.004.865.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	11.796.981.783	6.896.819.910
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	16.217.667.625	16.108.045.342
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		428.469.176.768	423.510.418.642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.477.417.338	1.027.929.940
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	13.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.477.417.338	1.027.929.940
II. Tài sản cố định	220		141.100.964.446	154.568.170.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	60.381.316.526	72.916.398.548
- Nguyên giá	222		159.619.644.527	182.173.037.198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.238.328.001)	(109.256.638.650)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.719.647.920	81.651.771.787
- Nguyên giá	228		94.132.756.099	94.132.756.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.413.108.179)	(12.480.984.312)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.167.280.852	2.185.462.796
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.167.280.852	2.185.462.796
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	270.723.514.132	265.728.855.571
1. Đầu tư vào công ty con	251		217.632.555.571	208.632.555.571
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.305.000.000	15.305.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.007.000.000	50.007.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.221.041.439)	(8.215.700.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.205.597.248.294	1.180.329.938.961

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		330.861.816.521	306.499.417.266
I. Nợ ngắn hạn	310		330.861.816.521	306.499.417.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	41.658.558.926	82.507.619.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.461.944.548	7.342.813.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.634.135.142	4.835.828.350
4. Phải trả người lao động	314		4.595.408.500	9.382.637.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	17.494.948.359	7.699.198.434
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	6.350.852.676	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	27.385.532.753	30.133.880.524
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	146.321.413.333	80.373.118.456
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2.866.160.903	2.970.887.344
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		79.092.861.381	81.253.434.381
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		814.565.215.081	873.830.521.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	869.646.901.307	868.741.991.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.394.675.475	344.394.675.475
3. Cổ phiếu quỹ	415		(167.011.563.046)	(167.011.563.046)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		323.963.243.487	323.963.243.487
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.706.385.391	23.801.475.313
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		23.801.475.313	13.966.374.066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		904.910.078	9.835.101.247
II. Nguồn kinh phí	430		5.088.530.466	5.088.530.466
1. Nguồn kinh phí	431	V.21	5.088.530.466	5.088.530.466
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.205.597.248.294	1.180.329.938.961

Người lập

Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	730.558.930.035	872.733.206.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.381.779.772	11.399.533.325
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	718.177.150.263	861.333.673.342
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	499.531.737.995	609.097.944.147
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		218.645.412.268	252.235.729.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	49.358.514.235	26.706.920.755
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	15.924.889.160	9.859.368.509
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.470.470.899	4.212.316.150
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	187.760.228.322	196.211.566.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	69.367.879.300	65.045.982.845
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.049.070.279)	7.825.731.817
11. Thu nhập khác	31	VI.9	6.026.412.618	2.016.742.739
12. Chi phí khác	32	VI.10	72.432.261	7.373.309
13. Lợi nhuận khác	40		5.953.980.357	2.009.369.430
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		904.910.078	9.835.101.247
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		904.910.078	9.835.101.247

Người lập

Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	904.910.078	9.835.101.247
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.257.787.027	6.569.417.083
- Các khoản dự phòng	03	(6.993.592.397)	(13.773.508.580)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.069.932.318	(826.903.055)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(48.381.741.869)	(25.375.231.529)
- Chi phí lãi vay	06	9.470.470.899	4.212.316.150
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(36.672.233.944)	(19.358.808.684)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(101.454.533.795)	(4.367.433.429)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	126.328.913.677	(59.763.696.196)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(44.158.162.188)	27.590.335.645
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.900.161.873)	(1.119.705.516)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.281.409.112)	(4.011.152.590)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(749.672.797)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.160.573.000)	(3.017.099.688)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(72.298.160.235)	(64.797.233.255)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	712.583.544	(5.510.864.005)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	7.138.181.819	1.658.066.565
3. Tiền chi cho vay	23	(39.000.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	22.000.000.000	36.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.200.000.000)	(1.995.738.257)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	20.065.590.800	22.327.872.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.716.356.163	30.479.336.665
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	293.911.488.919	158.389.852.614
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(227.963.194.042)	(130.055.346.690)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(26.988.643.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.948.294.877	1.345.862.524
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.633.509.195)	(32.972.034.066)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.760.648.085	51.841.600.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	97.569.532	(108.918.718)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.224.708.422	18.760.648.085

Người lập

Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hương

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 443 người (tại ngày 31/12/2022 là 676 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng: ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung - hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Các Công ty con:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện...	176.271.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử	25.272.000.000	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Quang	Mua bán, lắp đặt thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, điện tử,...	10.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng ...	6.000.000.000	51%
Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh	Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình công nghệ thông tin ...	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Quasarlum	Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, thiết kế trang trí nội thất ...	3.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Các Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Lô A Đường số 1 khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất	42%
Công ty Cổ phần 4P	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Thương mại	49,19%

c) Các đơn vị trực thuộc

- Chi Nhánh Đèn ống – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Ống thủy tinh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Đồng An – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Bắc MêKông
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Trung Trung Bộ

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc, tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 03 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm
- Bản quyền phần mềm	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Nguyên tắc các khoản đi vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được phân loại là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được phân loại lại là vay ngắn hạn để có kế hoạch chi trả. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4-C
Y
DUBAI
VẤN
TOÁN
DÁN
T
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

22. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Tiền mặt	409.408.580	1.081.161.492
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.815.299.842	17.679.486.593
Cộng	<u>17.224.708.422</u>	<u>18.760.648.085</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023					
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu niêm yết		433.160.447	1.220.373.300			433.160.447	754.412.500	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.868	433.136.656	1.220.319.100	-	12.868	433.136.656	754.358.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2	23.791	54.500	-	2	23.791	54.500	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		9.000.000.000				9.000.000.000		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	562.500	9.000.000.000	(*)	-	562.500	9.000.000.000	(*)	-
Cộng	575.370	9.433.160.447	-	-	575.370	9.433.160.447	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý và giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	39.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
	39.000.000.000	39.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000

(i) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng và không quá 12 tháng, hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là từ 3,7%/năm đến 8%/năm).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2023			01/01/2023				
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con		217.632.555.571		(8.886.041.439)		208.632.555.571		
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	100%	176.271.000.000	(*)	-		176.271.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	100%	24.201.555.571	(*)	-		24.201.555.571	(*)	-
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thống Minh	100%	6.000.000.000	113.958.561	(5.886.041.439)		-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Quang	51%	5.100.000.000	(*)	-		5.100.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	51%	3.060.000.000	(*)	-		3.060.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	100%	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)		-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.305.000.000		(3.335.000.000)		15.305.000.000		(3.335.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	42%	11.970.000.000	(*)	-		11.970.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần 4P	49,19%	3.335.000.000	(*)	(3.335.000.000)		3.335.000.000	(*)	(3.335.000.000)
Đầu tư vào công ty khác		50.007.000.000				50.007.000.000		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (i)		48.807.000.000	51.912.900.000	-		48.807.000.000	43.926.300.000	(4.880.700.000)
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Đầu tư AP		1.200.000.000	(*)	-		1.200.000.000	(*)	-
Cộng		282.944.555.571		(12.221.041.439)		273.944.555.571		(8.215.700.000)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 4.437.000 cổ phần Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý và giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba	398.333.691.080	303.854.209.545
Phải thu khách hàng trong nước	388.388.938.885	294.165.729.530
Phải thu khách hàng nước ngoài	9.944.752.195	9.688.480.015
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2a)	11.329.756.769	3.019.780.107
Cộng	409.663.447.849	306.873.989.652

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	96.355.020.779	109.552.199.842
Bên thứ ba	81.864.635.840	80.663.515.130
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An	26.000.000.000	26.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Tín Phát Plastic	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thuận An	16.743.495.300	-
Khác (i)	15.121.140.540	30.663.515.130
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2b)	10.741.317.055	28.888.684.712
Dài hạn – Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2b)	13.000.000.000	-
Cộng	109.355.020.779	109.552.199.842

(i) Không có đối tượng nào chiếm từ 10% trên tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	35.357.812.941	9.680.679.079
Bên thứ ba	5.741.256.597	7.371.824.316
Phải thu người lao động	4.981.862.076	6.636.781.422
Phải thu lãi tiền gửi	759.394.521	374.109.589
Phải thu ngắn hạn khác	-	360.933.305
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2c)	29.616.556.344	2.308.854.763
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	29.616.556.344	2.308.854.763
Dài hạn - Bên thứ ba	2.477.417.338	1.027.929.940
Ký quỹ ký cược dài hạn	2.477.417.338	1.027.929.940
Cộng	37.835.230.279	10.708.609.019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PDVSA Industrial S.A	8.818.821.475	(8.818.821.475)	8.818.821.475	-
Công ty CP Tập Đoàn Asc	140.084.316	(140.084.316)	140.084.316	-
Cộng	8.958.905.791	(8.958.905.791)	8.958.905.791	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	484.405.969	-	11.489.301.652	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.356.536.955	(2.475.666.827)	36.196.321.786	(10.343.459.612)
Công cụ, dụng cụ	21.152.178	-	89.371.808	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.514.450.367	-	8.658.694.008	-
Thành phẩm	50.800.886.890	(2.078.761.589)	95.023.710.152	(6.700.433.924)
Hàng hoá	71.082.855.428	(2.667.681.900)	133.131.802.058	(10.031.329.966)
Cộng	158.260.287.787	(7.222.110.316)	284.589.201.464	(27.075.223.502)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.628.310.379	5.602.599.622
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.168.671.404	1.294.220.288
Cộng	11.796.981.783	6.896.819.910

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	57.757.754.050	24.696.206.987	37.276.242.949	8.006.499.162	54.436.334.050	182.173.037.198
Mua trong năm	-	54.800.000	-	-	250.798.400	305.598.400
Thanh lý, nhượng bán	8.607.028.737	5.428.457.143	8.823.505.191	-	-	22.858.991.071
Số dư cuối năm	49.150.725.313	19.322.549.844	28.452.737.758	8.006.499.162	54.687.132.450	159.619.644.527
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.178.752.183	24.632.821.637	32.982.844.309	7.961.812.297	7.500.408.224	109.256.638.650
Khấu hao trong năm	952.091.655	28.460.189	1.398.121.726	44.686.865	3.902.302.725	6.325.663.160
Thanh lý, nhượng bán	2.092.011.475	5.428.457.143	8.823.505.191	-	-	16.343.973.809
Số dư cuối năm	35.038.832.363	19.232.824.683	25.557.460.844	8.006.499.162	11.402.710.949	99.238.328.001
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	21.579.001.867	63.385.350	4.293.398.640	44.686.865	46.935.925.826	72.916.398.548
Tại ngày cuối năm	14.111.892.950	89.725.161	2.895.276.914	-	43.284.421.501	60.381.316.526

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.955.622.660 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 97.126.825.148 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thế chấp tài sản cố định hữu hình nào cho các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

				Đơn vị tính: VND
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	80.979.877.737	509.897.400	12.642.980.962	94.132.756.099
Số dư cuối năm	80.979.877.737	509.897.400	12.642.980.962	94.132.756.099
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.226.905.950	509.897.400	8.744.180.962	12.480.984.312
Khấu hao trong năm	111.323.867	-	820.800.000	932.123.867
Số dư cuối năm	3.338.229.817	509.897.400	9.564.980.962	13.413.108.179
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	77.752.971.787	-	3.898.800.000	81.651.771.787
Tại ngày cuối năm	77.641.647.920	-	3.078.000.000	80.719.647.920

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.048.878.362 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.048.878.362 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thể chấp tài sản cố định vô hình nào cho các khoản vay.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.167.280.852	2.185.462.796
Cộng	1.167.280.852	2.185.462.796

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba	37.004.361.670	61.427.452.090
Phải trả người bán trong nước	17.289.157.130	28.691.006.942
Phải trả người bán nước ngoài	19.715.204.540	32.736.445.148
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2d)	4.654.197.256	21.080.167.375
Cộng	41.658.558.926	82.507.619.465

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Khác (i)	2.461.944.548	7.342.813.289
Cộng	2.461.944.548	7.342.813.289

(i) Không có đối tượng nào chiếm từ 10% trên tổng số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/hoàn trong năm VND	31/12/2023 VND
Phải nộp	4.835.828.350	36.270.520.627	38.472.213.835	2.634.135.142
Thuế GTGT đầu ra	4.835.828.350	26.202.793.385	28.404.486.593	2.634.135.142
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.780.099.502	9.780.099.502	-
Thuế thu TNDN nhà thầu	-	100.556.055	100.556.055	-
Thuế GTGT nhà thầu	-	95.528.250	95.528.250	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	28.133.600	28.133.600	-
Các loại thuế khác	-	63.409.835	63.409.835	-
Phải thu	16.108.045.342	2.889.618.245	2.999.240.528	16.217.667.625
Thuế nhập khẩu	72.943.575	159.954.105	255.485.322	168.474.792
Thuế TNDN nộp thừa	11.754.459.750	-	-	11.754.459.750
Thuế thu nhập cá nhân	4.280.642.017	2.729.664.140	2.743.755.206	4.294.733.083

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Chi phí hỗ trợ bảo hành, chi phí chiết khấu	6.444.481.008	4.259.396.683
Chi phí lãi vay phải trả	478.491.114	289.429.327
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.571.976.237	3.150.372.424
Cộng	17.494.948.359	7.699.198.434

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Doanh thu chưa thực hiện thi công công trình	6.350.852.676	-
Cộng	6.350.852.676	-

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.193.318.034	10.193.318.034
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.181.232.000	10.421.232.000
Kinh phí công đoàn	2.290.479.053	4.179.876.496
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	899.032.227	748.367.031
Khác	3.821.471.439	4.591.086.963
Cộng	27.385.532.753	30.133.880.524

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn

	01/01/2023 VND	Trong năm		31/12/2023 VND
		Tăng	Giảm	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	50.373.118.456	165.165.890.770	138.934.328.782	76.604.680.444
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (ii)	30.000.000.000	100.788.559.036	81.050.145.836	49.738.413.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	-	27.957.039.113	7.978.719.424	19.978.319.689
Cộng	80.373.118.456	293.911.488.919	227.963.194.042	146.321.413.333

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.22960152/2022-HĐCVHM/NHCT900-DIENQUANG ngày 30 tháng 12 năm 2022 với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện/điện tử. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 31/12/2023 là 76.604.680.444 đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số LAV230007321/1401 ngày 03 tháng 02 năm 2023 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 31/12/2023 là 49.738.413.200 đồng.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-038/016/23/030 ngày 30 tháng 06 năm 2023 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 9 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 31/12/2023 là 19.978.319.689 đồng.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.866.160.903	2.970.887.344
Cộng	2.866.160.903	2.970.887.344

CHỖ
 CHỮA
 VẤN
 TOÁN
 SẮC
 T/CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	41.524.440.066	886.464.955.982
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	9.835.101.247	9.835.101.247
Trả cổ tức bằng tiền năm 2020	-	-	-	-	(27.558.066.000)	(27.558.066.000)
Số dư cuối năm trước	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	23.801.475.313	868.741.991.229
Số dư đầu năm nay	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	23.801.475.313	868.741.991.229
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	904.910.078	904.910.078
Số dư cuối năm nay	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	24.706.385.391	869.646.901.307

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	343.594.160.000	343.594.160.000
Cộng	343.594.160.000	343.594.160.000
	100%	100%
	100%	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	343.594.160.000	343.594.160.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	343.594.160.000	343.594.160.000
Cổ tức đã chia	-	(27.558.066.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu thường
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.359.416	34.359.416
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.359.416	34.359.416
- Cổ phiếu phổ thông	34.359.416	34.359.416
Số lượng cổ phiếu mua lại	6.801.350	6.801.350
- Cổ phiếu phổ thông	6.801.350	6.801.350
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.558.066	27.558.066
- Cổ phiếu phổ thông	27.558.066	27.558.066

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

21. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	5.088.530.466	5.088.530.466
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	5.088.530.466	5.088.530.466

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a) Nợ khó đòi đã xử lý	17.727.837.341	17.727.837.341
b) Ngoại tệ các loại :		
+ USD	42.936,05	2.075,25
+ EUR	319,19	368,59
+ BSF	43.838,38	43.838,38

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng nội địa	710.263.512.716	834.517.490.644
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.312.302.062	23.530.932.812
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	981.777.305	127.873.200
Doanh thu khác	5.001.337.952	14.556.910.011
Cộng	730.558.930.035	872.733.206.667

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan như thuyết minh VIII.1

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	6.734.910.924	6.138.565.848
Chiết khấu thương mại	5.646.868.848	5.246.893.403
Giảm giá hàng bán	-	14.074.074
Cộng	12.381.779.772	11.399.533.325

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng nội địa	697.881.732.944	823.117.957.319
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	14.312.302.062	23.530.932.812
Doanh thu thuần bán hàng xuất khẩu	981.777.305	127.873.200
Doanh thu thuần khác	5.001.337.952	14.556.910.011
Cộng	718.177.150.263	861.333.673.342

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm hàng hóa	519.384.851.181	614.903.801.344
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.853.113.186)	(5.805.857.197)
Cộng	499.531.737.995	609.097.944.147

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.299.965.741	1.915.134.036
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.458.611.571	22.532.609.527
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.599.936.923	2.259.177.192
Cộng	49.358.514.235	26.706.920.755

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	9.470.470.899	4.212.316.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.449.076.822	766.352.359
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.005.341.439	4.880.700.000
Cộng	15.924.889.160	9.859.368.509

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	58.445.548.157	75.304.928.750
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ phân bổ	624.221.451	561.414.174
Chi phí bán hàng khác	128.690.458.714	120.345.223.855
Cộng	187.760.228.322	196.211.566.779

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	25.553.449.250	26.919.070.250
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	8.958.905.791	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.855.524.259	38.126.912.595
Cộng	69.367.879.300	65.045.982.845

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản	599.300.025	925.487.965
Thu nhập khác	5.427.112.593	1.091.254.774
Cộng	6.026.412.618	2.016.742.739

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	12.702.193	2.373.309
Chi phí khác	59.730.068	5.000.000
Cộng	72.432.261	7.373.309

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	904.910.078	9.835.101.247
Các khoản điều chỉnh	(44.960.461.310)	(22.099.518.218)
- Các khoản điều chỉnh tăng	498.150.261	433.091.309
- Các khoản điều chỉnh giảm	45.458.611.571	22.532.609.527
Thu nhập tính thuế	(44.055.551.232)	(12.264.416.971)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	459.844.914.932	618.946.947.655
Chi phí nhân công	90.653.053.815	112.752.380.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.257.787.027	6.569.417.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.103.520.605	36.764.607.882
Chi phí khác bằng tiền	124.433.502.335	115.957.741.401
Cộng	714.292.778.714	890.991.094.893

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Góp vốn vào Công ty con bằng cân trừ công nợ	2.800.000.000	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	293.911.488.919	158.389.852.614

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(227.963.194.042)	(130.055.346.690)

VIII. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Điện Quang	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bóng Đèn Điện Quang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quasarlum	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Công ty liên kết

1. Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch quan trọng với các bên liên quan như sau:

a) Góp vốn vào công ty con

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	-	3.570.000.000
Cộng	9.000.000.000	3.570.000.000

b) Cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	35.144.384.115	17.617.709.527
Công ty TNHH MTV Bóng Đèn Điện Quang	6.455.027.456	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	1.197.000.000	1.197.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	-	306.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	-	306.000.000
Cộng	42.796.411.571	19.426.709.527

4-C
 Y
 CHỮA
 VẤN
 TOÁ
 ĐÁN
 T
 CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	13.983.007.175	35.658.889.093
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	6.484.342.965	21.397.382.468
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	4.962.394.447	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	2.743.706.423	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang	522.596.554	847.940.893
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	52.026.921	674.970.782
Cộng	28.748.074.485	58.579.183.236

d) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	205.159.463.276	283.234.594.367
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	58.293.719.287	133.695.387.578
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	749.096.900	616.080.000
Cộng	264.202.279.463	417.546.061.945

2. Số dư cuối năm với các bên liên quan

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	5.632.923.679	2.325.832.147
Công ty TNHH MTV Quasarlum	3.006.340.647	-
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	2.633.262.830	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	57.229.613	693.947.960
Cộng	11.329.756.769	3.019.780.107

b) Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	14.490.384.939	28.888.684.712
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	10.741.317.055	28.888.684.712
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	949.067.884	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	800.000.000	-
Dài hạn	13.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	13.000.000.000	-
Cộng	27.490.384.939	28.888.684.712

c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	25.524.315.183	2.308.854.763
Công ty TNHH MTV Bóng Đèn Điện Quang	4.092.241.160	-
Cộng	29.616.556.343	2.308.854.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	4.654.197.256	17.683.746.378
Công ty TNHH MTV Bóng Đèn Điện Quang	-	2.362.786.296
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	-	1.033.634.701
Cộng	4.654.197.256	21.080.167.375

3. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Thù lao của các thành viên trong Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách Quản trị Công ty năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
1	Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị, người đại diện theo pháp luật	344.000.000	344.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	Thành viên Hội đồng Quản Trị (Đến ngày 25/04/2023)	81.226.000	286.666.700
3	Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên Hội đồng Quản Trị, Phó Tổng giám đốc	286.680.000	286.666.700
4	Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên Hội đồng Quản Trị	286.680.000	286.666.700
5	Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên Hội đồng Quản Trị	286.680.000	286.666.700
6	Bà Trần Thị Nga Huế	Thành viên Hội đồng Quản Trị	286.680.000	286.666.700
7	Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng Ban kiểm soát	611.823.000	519.851.700
8	Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên Ban kiểm soát	86.000.000	86.000.000
9	Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	86.000.000	86.000.000
10	Bà Lê Thị Tố Nga	Thư ký Hội đồng Quản Trị, Người phụ trách quản trị	86.000.000	86.000.000
	Cộng		2.441.769.000	2.555.185.200

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia điều hành và Ban điều hành trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	997.749.000	919.699.000
Những người quản lý khác		5.565.852.000	5.176.483.200
Cộng		6.563.601.000	6.096.182.200

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm hàng hóa của Công ty chủ yếu được cung cấp tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Hội đồng Quản trị cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán các loại sản phẩm điện, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập

Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hương

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

